BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo: Luật **Khoá đào tạo: 2026**
Trình độ đào tạo: Đại học **Hình thức đào tạo: Chính quy**
(Kèm theo Quyết định số 5300/QĐ-ĐHĐT ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Kiến thức giáo dục đại cương			**33**						
I. Ngoại ngữ (*)				Theo QĐ số 6116/QĐ-ĐHĐT, ngày 25/9/2025					
II. Tin học (*)									
III. Giáo dục quốc phòng(*)			**11**						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	3	45					2
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh*	2	30			GE4165		
3	GE4166	Quân sự chung*	2	14	16		GE4165		
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	4	4	56		GE4165		
IV. Giáo dục thể chất(*)			**3**						
4.1. Học phần thể chất bắt buộc			2						
5	GE4306	Giáo dục thể chất 1*	1		30				1
6	GE4334	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)*	1		30		GE4306		2
4.2. Học phần thể chất tự chọn			1						
7	GE4335	Bóng đá*	1		30		GE4306		3
8	GE4336	Bóng chuyền*	1		30		GE4306		3
9	GE4337	Cầu lông*	1		30		GE4306		3
10	GE4338	Võ thuật Vovinam*	1		30		GE4306		3
11	GE4339	Võ thuật Karatedo*	1		30		GE4306		3
12	GE4340	Cờ vua*	1		30		GE4306		3
13	GE4347	Pickleball	1		30		GE4306		3
V. Đại cương chung			**19**						
14	GE4045	Tâm lý học đại cương	2	30					1
15	GE4028	Logic học đại cương	2	30					1
16	GE4003	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30					1
17	GE4091	Triết học Mác - Lênin	3	45					1
18	AI4450	Nhập môn Công nghệ số và ứng dụng AI	2	30					2
19	GE4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30			GE4091		2
20	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			GE4092		3
21	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			GE4092		3
22	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30			GE4092		4
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**105**						
I. Kiến thức cơ sở ngành			**25**						
23	LA4003	Lý luận về nhà nước và pháp luật	3	45					1
24	LA4007N	Luật Dân sự 1	3	45					1
25	LA4005	Luật Hiến pháp	2	30					2
26	LA4008	Luật Hình sự 1	3	45					2
27	LA4100	Lịch sử nhà nước và pháp luật	3	45					3
28	LA4016N	Luật Thương mại 1	3	45					4
29	LA4040	Phương pháp nghiên cứu khoa học luật	2	30					4
30	LA4022	Công pháp quốc tế	2	30					5
31	LA4101	Đạo đức nghề luật	2	30					5
32	LA4010	Lịch sử các học thuyết chính trị- pháp lý	2	30					6
II. Khối kiến thức cốt lõi ngành			**64**						
2.1. Kiến thức Luật Hiến pháp và luật hành chính			**7**						
33	LA4009	Luật Hành chính	3	45					4
34	LA4027	Luật Tố tụng hành chính	2	15	30				5
35	LA4038	Xây dựng văn bản pháp luật	2	15	30				7
2.2. Kiến thức Luật Dân sự và Tố tụng Dân sự			**12**						
36	LA4019	Luật Hôn nhân và Gia đình	2	30					3
37	LA4014N	Luật Dân sự 2	3	45			LA4007		3
38	LA4026	Luật Lao động	3	45					4
39	LA4025	Luật Tố tụng Dân sự	2	15	30				4
40	LA4013	Luật Sở hữu trí tuệ	2	30					5
2.3. Luật hình sự và tố tụng hình sự			**10**						
41	LA4015	Luật Hình sự 2	3	45			LA4008		3
42	LA4024N	Luật Tố tụng Hình sự	3	30	30				4
43	LA4030	Tội phạm học	2	30					5
44	LA4055	Pháp luật về Phòng, chống tham nhũng	2	30					5

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
2.4. Luật Kinh tế			**10**						
45	LA4017N	Luật Thương mại 2	2	30			LA4016		5
46	LA4020	Luật Đất đai	3	45					5
47	LA4050	Pháp luật về Tài chính	3	45			LA4016		6
48	LA4021	Luật Môi trường	2	30					6
2.5. Luật quốc tế			**11**						
49	LA4051	Pháp luật về Quyền con người	2	30					5
50	LA4023	Tư pháp quốc tế	2	30			LA4014		6
51	LA4049	Pháp luật về thương mại điện tử	2	30					7
52	LA4052	Pháp luật ASEAN	2	30					7
53	LA4034N	Luật Thương mại quốc tế	3	45					7
2.6. Kiến thức chuyên ngành tự chọn			**10**						
54	LA4032	Luật Thi hành án dân sự	2	30					6
55	LA4033	Luật Thi hành án hình sự	2	30					6
56	LA4004	Luật Hộ tịch	2	30					6
57	LA4044	Pháp luật khiếu nại, tố cáo	2	30					6
58	LA4048	Tiếng anh pháp lý	2	30					6
59	LA4036	Luật Kinh doanh bất động sản	2	30					6
60	LA4504	Luật Xử lý vi phạm hành chính	2	30					6
61	LA4503	Luật chuyển giao công nghệ	2	30					6
62	LA4031	Luật Cạnh tranh	2	30					6
63	LA4012	Luật La Mã	2	30					6
64	LA4045	Kỹ năng hòa giải cơ sở	2	30					6
65	LA4011N	Luật Chứng khoán	2	30					6
66	LA4501	Luật Đầu tư	2	30					6
2.7 Khối học phần kỹ năng bổ trợ			**4**						
67	LA4046	Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự	2	15	30				7
68	LA4047	Kỹ năng giải quyết tranh chấp dân sự, thương mại	2	15	30				7
III. Khối kiến thức tập nghề nghiệp			**10**						
69	LA4401	Thực tế chuyên môn	1		30				6
70	LA4491N	Thực tập cơ sở	3		90				7
71	LA4407N	Thực tập tốt nghiệp	6		180				8
IV. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế			**6**						
4.1. Khóa luận tốt nghiệp			6						
72	LA4299	Khóa luận tốt nghiệp	6		180				8
4.2. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			**6**						
73	LA4035	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	2	15	30				8
74	LA4053	Pháp luật về luật sư, công chứng và thừa phát lại	2	30					8
75	LA4054	Kỹ năng tư vấn pháp luật	2	15	30				8
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			**138**						
Tổng số tín chỉ tích luỹ:			124						
Tổng số tín chỉ điều kiện:			14						
Tổng số tín chỉ bắt buộc:			114						
Tổng số tín chỉ tự chọn:			10						